



**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**

HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA

**ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN  
TRONG ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY  
THEO HƯỚNG BLENDED LEARNING**

## BLENDED LEARNING: PHẦN MỀM ỨNG DỤNG GIẢNG DẠY KẾT HỢP HIỆU QUẢ

**Phan Văn Khải, TS. Bùi Đình Tú**

*Trường Đại học Công Nghệ, Đại học Quốc Gia Hà Nội  
E-mail: khaipv.epu@gmail.com; buidingtu@vnu.edu.vn;*

**ThS. Vương Thị Xuân Hương, TS. Tổng Thị Hảo Tâm**

*Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân  
Email: huongvx@neu.edu.vn*

### TÓM TẮT:

*Dạy học kết hợp là một trong những mô hình học tập kết hợp phổ biến và được áp dụng bởi nhiều nước có nền giáo dục tiên tiến trên Thế giới như: Mỹ, Anh, Úc,... Với việc áp dụng mô hình này, sinh viên có thể lựa chọn thời điểm, mọi nơi phù hợp để học tập dễ dàng. Bên cạnh đó, cùng sự hỗ trợ của công nghệ thông tin, mô hình dạy học kết hợp giúp người tham gia có cơ hội tương tác với nhau, phát triển được không gian cho lớp học, góp phần thúc đẩy động lực học trong sinh viên. Việc phát triển nội dung cho mô hình này góp phần tối ưu hóa, nâng cao chất lượng giảng dạy khi kết hợp việc dạy học trực tiếp và dạy học trực tuyến. Mục đích của bài nghiên cứu này là phát triển nội dung cho mô hình dạy học kết hợp bằng các ứng dụng quản lý lớp học và nền tảng trực tuyến mang yếu tố trò chơi vào bài giảng nhằm kích thích sự tư duy, gây hứng thú và giảm căng thẳng, mệt mỏi cho sinh viên khi tham gia học trực tuyến.*

**Từ khóa:** dạy học kết hợp, nền tảng trực tuyến, phần mềm, tương tác.

### 1. GIỚI THIỆU

Đại dịch Covid-19 bùng phát vào cuối tháng 12 năm 2019 đã đặt ra nhiều thách thức trên toàn Thế giới [4]. Hầu hết các quốc gia đã phải thực hiện việc giãn cách xã hội. Các trường học bắt buộc phải đóng cửa và hạn chế đi lại bắt buộc đã gây ra thiệt hại to lớn đối với ngành giáo dục. Trước diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, trên Thế giới có hơn 1,5 tỷ sinh viên và học sinh tại 191 Quốc gia bị ảnh hưởng tới việc học tập và nghiên cứu [19]. Vì vậy, để duy trì hiệu quả trong công tác dạy và học, các trường đại học đã có những giải pháp tình thế giúp cho sinh viên có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu và làm việc bình thường. Đã có nhiều chiến lược được sử dụng để chuyển các lớp học trực tiếp sang học trực tuyến. Đặc biệt phải kể đến mô hình dạy học kết hợp. Mô hình này được áp dụng bởi đa số các trường đại học ở nhiều quốc gia tiên tiến.

Dạy học kết hợp đã phổ biến với xu thế giáo dục đại học ở đầu thế kỷ XXI trên Thế giới. Tuy nhiên, mô hình dạy học kết hợp là một mô hình tương đối mới ở Việt Nam, xuất hiện chỉ khoảng vài năm trở lại đây. Mô hình dạy học này đòi hỏi giảng viên phải biết vận dụng kết hợp bài giảng môn học với các phần mềm ứng dụng thông qua kết nối với mạng Internet. Do đó, các trường Đại học và giảng viên còn gặp nhiều khó khăn trong việc thiết kế nội dung môn học sao cho phù hợp, tạo hứng thú cho sinh viên khi phải tham gia học trực tuyến.

Hiện nay, có nhiều tác giả đưa ra nhiều cách thức phân loại mô hình dạy học khác nhau.

Dựa trên việc áp dụng sử dụng phần mềm vào việc dạy học, có thể phân loại hình thức dạy học thành 2 loại chính: dạy học trực tuyến E-learning và dạy học B-Learning (Nguyễn Kim Đào, 2020) [14]. Học tập kết hợp được định nghĩa là một chương trình giáo dục chính thức, trong đó có ít nhất một học phần trực tuyến và có quyền kiểm soát một số yếu tố thời gian, địa điểm và lộ trình học tập (Staker và Horn, 2012) [17]. Cũng có ý kiến cho rằng, E-learning bao gồm một loạt các phương pháp như: dạy học kết hợp (B-learning), dạy học mọi lúc mọi nơi (U-learning) và dạy học trên thiết bị di động (M-learning) (Guillermo Díaz-Sainz, 2020) [6].

### **1.1. Phương pháp dạy học trực tuyến**

E-learning là thuật ngữ mô tả hình thức tương tác gián tiếp thông qua phần mềm/máy tính hay các thiết bị điện tử có kết nối với Internet. Hình thức tổ chức dạy học tự trải nghiệm theo nhiều cách tiếp cận khác nhau mà không cần trực tiếp gặp mặt như: báo, hình ảnh số, biểu đồ, âm thanh, nội dung học tập tương tác, clip dạy học trực tiếp, thí nghiệm mô phỏng,... (Lê Thanh Huy, 2013; Trần Thanh Bình, 2013) [10],[18]

E-learning là một hình thức giảng dạy đã phát triển phổ biến từ giai đoạn thập niên cuối cùng của thế kỷ XX đến đầu thế kỷ XXI. Đối với các quốc gia phát triển, từ cuối những năm XX, không chỉ các trường học mà cả những công ty, doanh nghiệp, trung tâm giáo dục cũng đều áp dụng triển khai hình thức này. Do nhu cầu lớn và sức thu hút mạnh mẽ của E-learning, nhiều đơn vị đã chuyển hướng để nghiên cứu, xây dựng và phát triển các giải pháp cho hệ thống giảng dạy trực tuyến này. Đặc biệt phải kể đến một số các giải pháp như: Click2Learn, Goble Learning Systems, SmartForce,... [14]. Tính đến cuối thế kỷ XX, đã có hơn 1000 trường Đại học trên Thế giới tại 81 Quốc gia áp dụng triển khai hình thức E-learning. Với hình thức này, sinh viên có thể đăng ký một số môn học tự chọn trong khung chương trình và tự học ở nhà hoặc bất kỳ địa điểm nào có thể kết nối với Internet.

Đối với việc tổ chức dạy học E-learning bao gồm hai hình thức: đồng thời và không đồng thời. Hình thức dạy học đồng thời diễn ra cùng lúc với thời gian thực, tuy nhiên, giáo viên và người học có thể khác nhau về mặt không gian. Hình thức này thông qua lớp học trực tuyến bằng việc sử dụng công cụ và phần mềm có kết nối Internet. Còn đối với hình thức dạy học không đồng thời là việc dạy học không diễn ra cùng một thời điểm, mọi người trong lớp học không có sự tương tác trực tiếp với nhau. Do đó, mô hình giảng dạy này vẫn còn một số hạn chế.

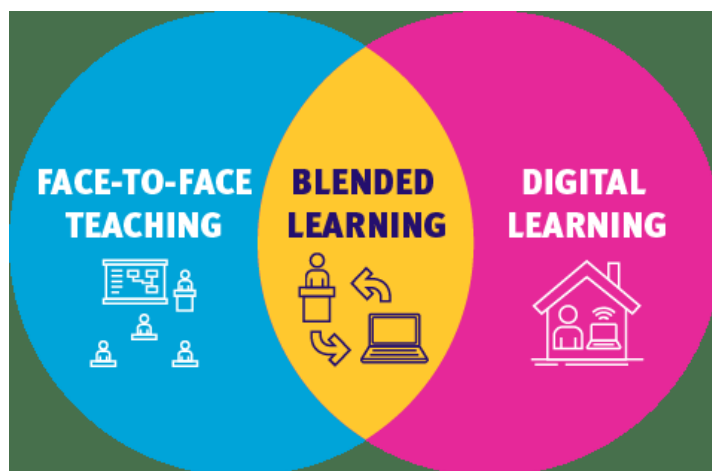
Để áp dụng công nghệ vào giảng dạy và học tập là một sự tiếp cận mới, khó sử dụng đối với những ai chưa được hướng dẫn, giới thiệu. Đặc biệt, đối với sinh viên năm nhất chưa được tiếp cận nhiều về công nghệ thông tin sẽ gặp nhiều hạn chế khi sử dụng mô hình học tập này. Việc dạy học không trực tiếp khiến cho sinh viên bị ảnh hưởng tới mặt tư duy, cảm hứng, dễ chán nản,... Với hình thức dạy học trực tuyến đồng thời, mặc dù có sự chỉ dẫn và giảng dạy của giáo viên, nhiều sinh viên vẫn hạn chế trong mặt tương tác. Điều này khiến chất lượng giảng dạy và học tập bị ảnh hưởng.

Qua các ý kiến nêu trên, việc dạy học trực tuyến chỉ đạt được một số ưu thế nhất định, còn gặp phải nhiều rào cản chưa thể khắc phục. Chính vì vậy, phương pháp này chưa được coi là hoàn toàn tối ưu.

## 1.2. Phương pháp dạy học kết hợp

Blended Learning (B-Learning) là thuật ngữ mô tả cách học kết hợp giữa phương thức giảng dạy truyền thống trên lớp với phương thức giảng dạy trực tuyến. Mục đích của phương pháp này là đem lại sự hiệu quả trong việc giảng dạy, phù hợp với nhiều điều kiện khác nhau. Ngoài việc tham gia các lớp học truyền thống, sinh viên còn được đăng ký các lớp học online để đảm bảo thực hiện việc học không bị gián đoạn và phù hợp với bản thân. Khi áp dụng mô hình này, sinh viên có thể lựa chọn thời gian và địa điểm học sao cho phù hợp với năng lực, kiến thức.

**Hình 1. Phương pháp Blended Learning**



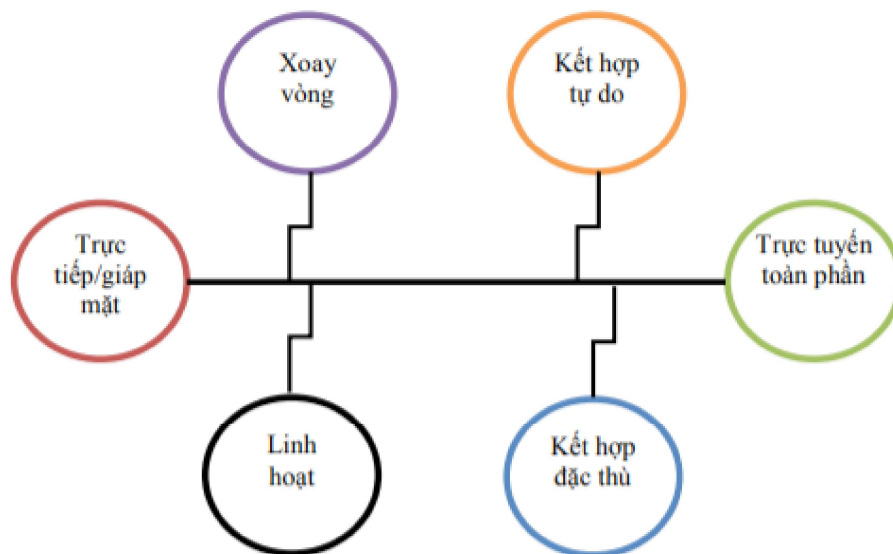
(Nguồn: Mill Dam School Ackworth)

Ngày nay, các công nghệ trực tuyến được sử dụng cho học tập ảo (Virtual Learning) không đồng bộ tích hợp cùng với giảng dạy trực tiếp (F2F) được gọi là học tập kết hợp (Claude Müller, 2021) [3]. Trên thực tế, các trường đại học ngày nay sử dụng hệ thống quản lý học tập trực tuyến dựa trên các tài liệu giảng dạy có sẵn; giảng dạy kết hợp cũng được biết đến với tên gọi là “mô hình truyền thống mới” hay “bình thường mới” (Dziuban, Graham, Moskal, Norberg, & Sicilia, 2018) [5].

Theo ý kiến của nhiều tác giả, mô hình B-learning bao gồm tỷ lệ 30% - 79% nội dung trực tuyến và không theo dạng truyền thống (Claude Müller, 2021) [3]. Cũng có nghiên cứu, nhóm tác giả đưa tỷ lệ 1:1 đối với trực tuyến và hướng dẫn lớp học dựa trên phương pháp đánh giá (Bernard, 2014) [2]. Đây là kết quả dựa trên một số nghiên cứu cho rằng: đa số sinh viên lựa chọn tỷ lệ học trực tuyến ở mức độ cao và trung bình hơn là việc lựa chọn học trực tuyến mức độ thấp hoặc chỉ bổ sung trong việc học tập kết hợp (Asarta, 2015) [1].

Đối với phương pháp này, tác giả Gibbons và Rogers (2009) [7] đưa ra mô hình tổ chức: theo không gian vật lý (Physical layer) (Hình 2). Tùy theo từng đặc điểm của mô hình, kết hợp một cách linh hoạt dựa trên đặc điểm của môn học, giáo viên có thể hỗ trợ sinh viên để kịp thời xử lý với các tình huống xảy ra.

**Hình 2. Các phương thức tổ chức dạy học kết hợp theo không gian vật lý [15]**



Mô hình tổ chức theo không gian vật lý được triển khai phổ biến trong dạy học kết hợp ở nhiều quốc gia trên thế giới hiện nay. Các phương thức được trình bày như sau [15],[12]:

- Trực tiếp/giáp mặt: Việc dạy học diễn ra trực tiếp trên lớp học, có sự kết hợp của yếu tố dạy học điện tử và các bài giảng trực tuyến
- Xoay vòng: Kết hợp việc dạy học trên lớp và dạy học ngoài giờ có sử dụng dựa vào yếu tố công nghệ
- Linh hoạt: Việc dạy học thông qua các lớp học trực tuyến, có sự hướng dẫn của giáo viên trong lớp
- Đặc thù: Hoạt động dạy học được triển khai theo từng nội dung từng môn học, phương pháp đặc thù riêng.
- Trực tuyến toàn phần: Hoạt động dạy học được thực hiện trên các nền tảng công nghệ trực tuyến.

## 2. CÁC NỀN TẢNG HỖ TRỢ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC KẾT HỢP

Cùng với sự phát triển của thời đại kỹ thuật số, nền tảng giảng dạy trên hệ thống quản lý học trực tuyến (Learning Management System, LMS) được áp dụng trong các trường Đại học để giúp cho giảng viên có thể dạy học, đăng tải thông báo, ghi chú bài giảng, giao bài tập, chấm điểm số và hướng dẫn, tương tác cùng sinh viên. Bên cạnh đó, các ứng dụng như Microsoft Teams, Zoom, Google Meet,...được coi như là công cụ hỗ trợ trong việc chuyển đổi hình thức giảng dạy và học trực tiếp sang học tập trực tuyến khi dịch bùng phát. Đây không chỉ là giải pháp mang tính tình huống mà còn là một hướng đi mới cho việc dạy học kết hợp, góp phần đổi mới trong giáo dục.

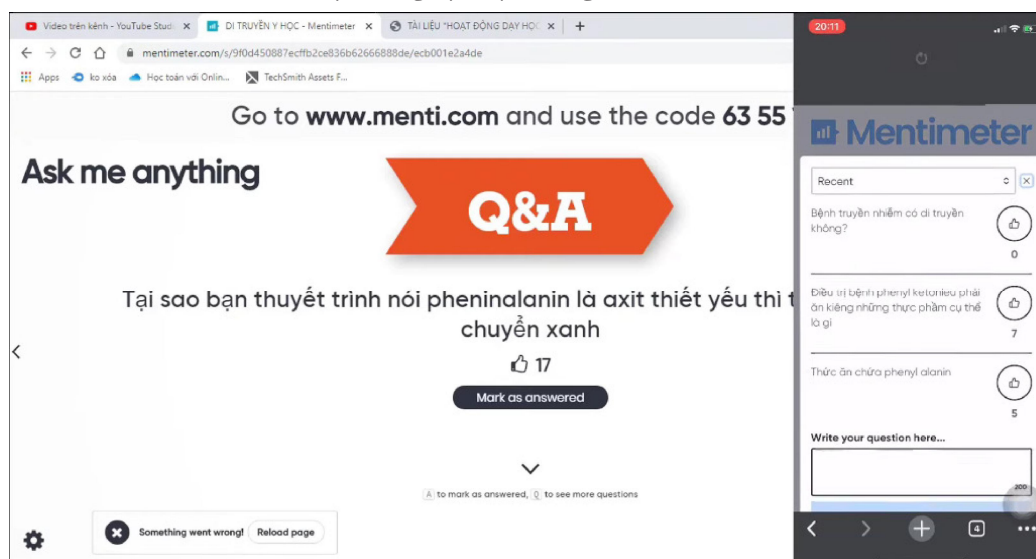
Sự phủ sóng mạnh mẽ của Internet, nhiều phần mềm, ứng dụng đã được phát triển và sử dụng như một công cụ học tập. Chính vì vậy, người tham gia giảng dạy và học tập chỉ cần

có các thiết bị điện tử như: máy tính bàn, laptop, điện thoại, máy tính bảng,...có thể tương tác với nhau một cách đơn giản. Với mục đích tạo cảm hứng trong học tập, việc sử dụng ứng dụng để quản lý lớp học và phát triển nội dung bài giảng mang yếu tố trò chơi đã được phát triển đa dạng tùy vào từng mục đích sử dụng khác nhau. Sau khi nghiên cứu và tham khảo ý kiến của một số tác giả, chúng tôi xin trình bày sáu ứng dụng, công cụ để phù hợp trong việc xây dựng và phát triển nội dung cho mô hình B-learning.

## 2.1. Mentimeter

Mentimeter là ứng dụng độc đáo, cho phép không chỉ giáo viên mà ngay cả sinh viên cũng có thể thuyết trình bài làm của mình trong lớp học. Sinh viên có thể trình bày ý tưởng và thu thập ý kiến của những người tham gia khác trên slide hiển thị. Bên cạnh đó, cùng thời điểm giáo viên trình bày, sinh viên có thể đặt câu hỏi ngay lúc đó và tạo ra tương tác đối với những người cùng đặt câu hỏi. Ví dụ được thể hiện qua hình 3 dưới đây.

**Hình 3. Nội dung tạo sự tương tác trên Mentimeter**

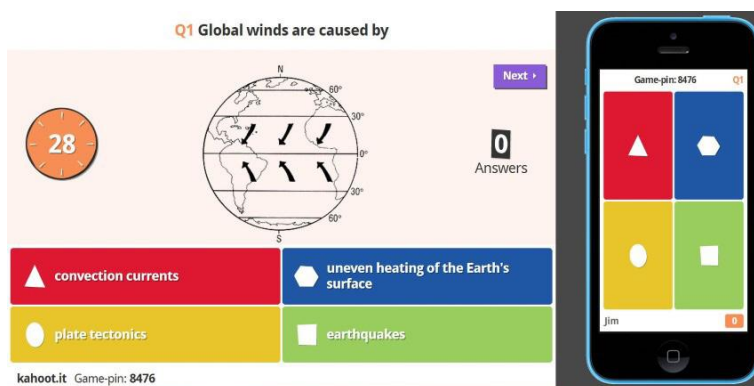


## 2.2. Kahhoot

Kahoot là một công cụ khá phổ biến, được sử dụng bởi ở tại hơn 200 quốc gia. Trong môi trường giáo dục ở Hoa Kỳ, có hơn 50% số lượng giáo viên sử dụng phần mềm này để kết hợp vào việc giảng dạy (Kahoot, 2021) [9]. Công cụ này được chứng nhận phát triển hiệu quả và giải trí cho lớp học bởi Liên minh Giáo dục Phần Lan (Education Alliance Finland, 2020) [6]. Giáo viên có thể chuẩn bị nội dung câu hỏi, sau đó cài đặt thời gian bắt đầu. Câu hỏi sẽ được hiển thị với những người tham gia lớp học thông qua các thiết bị điện tử.

Các dạng câu hỏi được định dạng với các hình thức: trắc nghiệm, đúng-sai, thăm dò ý kiến, slide, câu đố,...Ngoài ra, giáo viên có thể chèn thêm hình ảnh để tạo cho nội dung bài giảng có thể trở nên sinh động và phong phú hơn.

Hình 4. Giao diện Kahoot trên nền tảng trực tuyến



### 2.3. Socrative

Socrative là một ứng dụng hỗ trợ giáo viên trong việc kiểm tra kiến thức của sinh viên. Khi sử dụng ứng dụng này, giáo viên có thể thiết kế nội dung câu hỏi một cách thuận tiện dưới dạng trắc nghiệm. Cách sử dụng vô cùng đơn giản và được sắp xếp một cách logic. Giáo viên có thể lựa chọn thời điểm trực tiếp để thực hiện việc kiểm tra. Các kết quả của học sinh sẽ được phản hồi tức thì (xem trên hình 5)

Hình 5 Kết quả kiểm tra trên ứng dụng Socrative

| Here | Name              | Progress (%) | 1   | 2   | 3   | 4   |
|------|-------------------|--------------|-----|-----|-----|-----|
| ✓    | Arteta, Mikel     | 100%         | B   | C   | A   | A   |
| ✓    | Bautista, Gabriel | 100%         | C   | C   | A   | C   |
| ✓    | Cazorla, Santi    | 100%         | D   | C   | A   | C   |
| ✓    | Cech, Petr        | 100%         | A   | C   | B   | C   |
| ✓    | Chastain, Brandt  | 100%         | B   | C   | A   | C   |
| ✓    | Debuchy, Mathieu  | 100%         | A   | C   | A   | B   |
| ✓    | Dunn, Crystal     | 100%         | C   | C   | A   | C   |
| ✓    | Gibbs, Kieran     | 100%         | A   | C   | D   | A   |
| ✓    | Hammer, Mia       | 100%         | B   | B   | A   | C   |
| 1    | Class Total       |              | 22% | 89% | 78% | 67% |

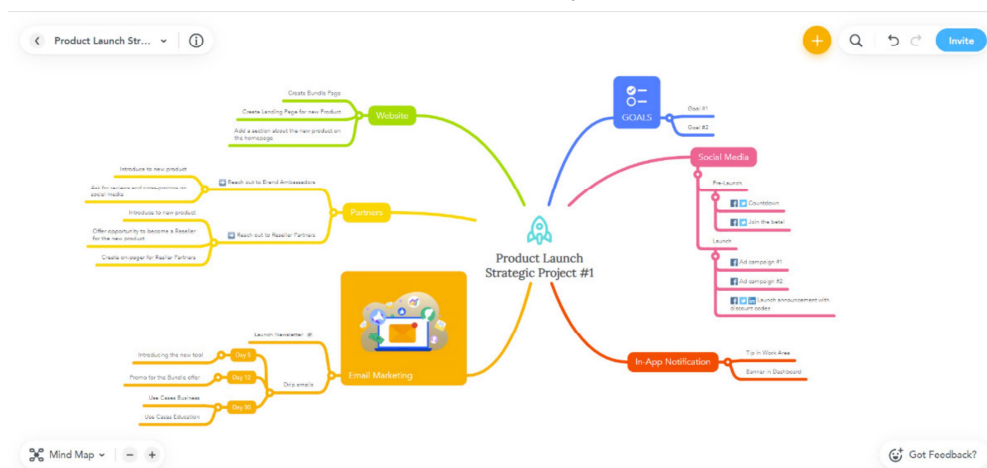
Đây là một công cụ đổi mới lớp học truyền thống dẫn đến sự tham gia tích cực vào các hoạt động giáo dục được đề xuất (Guillermo Díaz-Sainz, 2020) [8]. Các cài đặt được thiết lập sẵn cho người dùng tùy thuộc vào từng đối tượng như: học sinh, trẻ em mẫu giáo, giáo dục đại học, doanh nghiệp (Socrative, 2020) [16].

### 2.4. Mindmeiser

Mindmeister là một ứng dụng có nhiều tính năng mới mẻ giúp cho giáo viên cũng có thể đơn giản tạo, chỉnh sửa lược đồ tư duy. Với các ưu điểm như: cho phép chèn video trực tuyến vào sơ đồ mindmap và chia sẻ liên kết lên mạng xã hội, việc dạy học kết hợp với ứng dụng tạo cho sinh viên phát huy được khả năng tư duy, không cảm thấy khô khan với những kiến thức mang tính chất học thuật.

Sinh viên cũng có thể tự thiết kế sơ đồ tư duy như một phương pháp ghi nhớ nội dung bài giảng thông qua các phần mềm tích hợp sẵn. Tất cả thao tác đều được thực hiện dễ dàng, thân thiện hầu hết đối với người sử dụng.

**Hình 6. Thiết kế sơ đồ tư duy với MindMeister**

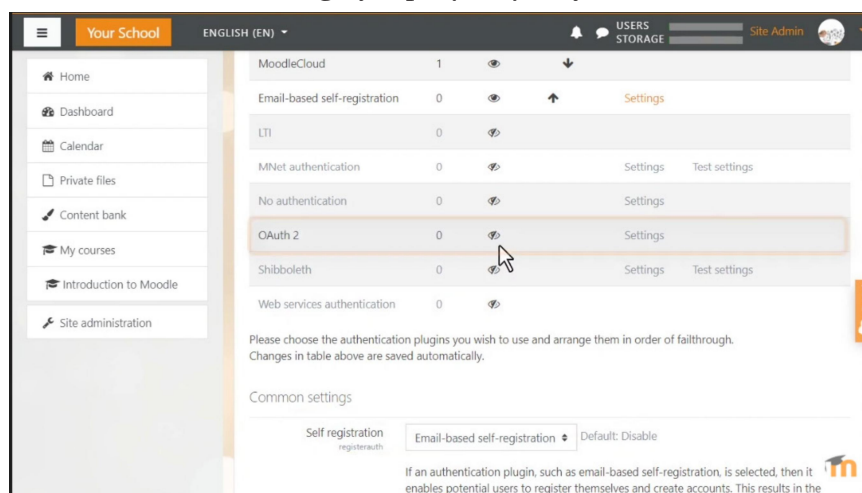


## 2.5. Moodle

Khi sử dụng ứng dụng Moodle, người dùng có thể trải nghiệm hệ thống LMS để quản lý và đăng tải nội dung bài giảng dễ dàng. Đây là hệ thống có tính năng bảo mật và quyền riêng tư cao. Hơn nữa, các đơn vị giáo dục bất kỳ lĩnh vực nào cũng có thể tạo ra một không gian trực tuyến một cách dễ dàng, linh hoạt và dễ tiếp cận cho người tham gia học. Nền tảng quản lý học tập này được hơn 250 triệu người trên toàn thế giới sử dụng với nhiều tính năng đa dạng (Moodle, 2021) [13]

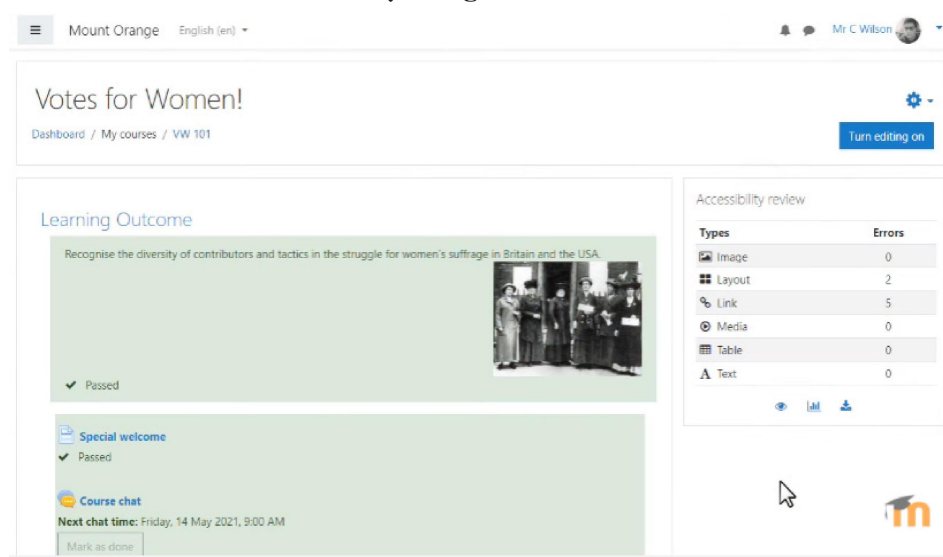
Moodle Cloud giúp cho giáo viên có thể đăng tải nội dung bài học có sẵn lên hệ thống lưu trữ đám mây của ứng dụng. Từ đó, sinh viên có thể đăng ký qua E-mail để tham gia và lựa chọn thời gian phù hợp để học.

**Hình 7 Đăng ký lớp học trực tuyến Moodle**



Với tính năng Moodle Workplace, giáo viên có thể sắp xếp và lên lịch cho lớp học, chia sẻ nội dung học tập và theo dõi tiến độ học của sinh viên. Hơn nữa, người tham gia lớp học có thể tiết kiệm thời gian cho mỗi khóa học của mình.

**Hình 8. Hệ thống LMS của Moodle**



Moodle cung cấp 20 loại hoạt động khác nhau: diễn đàn, bài tập, câu đố, lựa chọn, kiểm tra trắc nghiệm. Giảng viên và sinh viên đều có thể nhận được thông báo tự động về bài tập, thời gian hoàn thành nhiệm vụ và các bài đăng của lớp học (Guillermo Díaz-Sainz, 2020) [6].

## 2.6. Google Classroom

Google Classroom là ứng dụng phổ biến với đa số người dùng trên toàn thế giới. Ứng dụng miễn phí giúp cho người tham gia có trải nghiệm đa dạng, sinh động về mặt nội dung. Giảng viên thiết lập bài giảng trực tuyến, đăng tải tài liệu, giao bài tập, tổ chức lớp học trực tuyến. Ứng dụng được thiết kế đa dạng trên nhiều nền tảng khác nhau và sử dụng được bởi hầu hết các thiết bị có kết nối Internet hiện nay.

Google Class là một ứng dụng giúp đơn giản hóa trong giảng dạy và học tập. Khi giảng dạy trên nền tảng này, giảng viên có thể tổ chức, quản lý lớp học một cách dễ dàng và thuận tiện. Tất cả các tài liệu, bài tập được đồng bộ với hệ sinh thái Google Drive. Người tham gia lớp học có thể sử dụng một tài khoản Gmail duy nhất để đăng nhập vào các phần mềm này. Ngoài ra, sinh viên có thể theo dõi và cập nhật thông tin của lớp học ở bất kỳ nơi nào bằng việc sử dụng thiết bị kết nối Internet.

## 3. KẾT LUẬN

Có thể nhận thấy rằng, mô hình Blended Learning là một mô hình khá mới ở Việt Nam. Đặc biệt, đối với giáo dục đại học với đa dạng các ngành, việc thiết kế làm sao để ứng dụng một cách phù hợp toàn diện là một điều hết sức khó khăn. Đối với các môn học lý thuyết, việc sử dụng phương pháp trực tuyến sẽ giúp tiết kiệm thời gian, chi phí,... Tuy nhiên, đối với các

môn thực hành, đặc biệt đối với các ngành kỹ thuật, y khoa,... là một rào cản lớn nếu áp dụng mô hình này. Do đó, việc sử dụng mô hình Blended Learning là giải pháp hợp lý, đặc biệt là trong bối cảnh của đại dịch Covid 19 đang diễn ra phức tạp. Mô hình này góp phần tạo cơ hội tiếp cận, nâng cao chất lượng giảng dạy cho nền giáo dục hiện nay.

Để xây dựng được một chương trình học phù hợp, các giảng viên cần chú ý đến mục tiêu của môn học, phân bổ thời lượng hợp lý giữa việc dạy học trực tiếp và học tập trực tuyến, thiết kế nội dung môn học sao cho phù hợp với từng công cụ, ứng dụng.

Chúng tôi xin đề xuất một số khuyến nghị như sau:

Để thực hiện triển khai mô hình Blended Learning, các cơ sở giáo dục cần quan tâm đầu tư cơ sở vật chất; trang thiết bị phù hợp để giảng viên có thể thực hiện giảng dạy cho sinh viên.

Cần có những nghiên cứu sâu hơn, cụ thể hơn về dạy học Blended Learning cho từng ngành học trong các trường đại học

Để sử dụng hiệu quả mô hình dạy học Blended Learning, giảng viên cần quan tâm, bổ sung kiến thức về công nghệ thông tin để có thể điều chỉnh, sử dụng các ứng dụng trực tuyến trong thời kỳ chuyển đổi số.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Asarta. (2015). The choice of reduced seat time in a blended course. The Internet and Higher Education.
2. Bernard. (2014). A meta-analysis of blended learning and technology use in higher education: From the general to the applied. Journal of Computing in Higher Education.
3. Claude Müller. (2021). Facilitating flexible learning by replacing classroom time with an online learning environment: A systematic review of blended learning in higher education. Educational Research Review.
4. Choi. (2020). Public health emergency and crisis management: case study of SARS-CoV-2 outbreak. International Journal of Environmental Research and Public Health.
5. Dziuban, C., Graham, C. R., Moskal, P. D., Norberg, A., & Sicilia, N. (2018). Blended learning: The new normal and emerging technologies. International Journal of Educational Technology in Higher Education
6. Education Alliance Finland. (2020). WWW Document. [https:// educationalliancefinland.com/](https://educationalliancefinland.com/)
7. Graham, C. R., Henrie, C. R., & Gibbons, A. S. (2014). Developing models and theory for blended learning research. In A. G. Picciano, C. D. Dziuban, & C. R. Graham (Eds.), Blended learning: Research perspectives, volume 2 (pp. 13-33). Routledge, New York.
8. Guillermo Díaz-Sainz. (2020). Mobile learning in chemical engineering: An outlook based on case studies. Education for Chemical Engineers.
9. Kahoot. (2020). WWW Document. , URL: <https://kahoot.com/>.
10. Lê Thanh Huy. (2013). Tổ chức hoạt động DHVL đại cương trong các trường đại học theo học chế tín chỉ với sự hỗ trợ của E-learning. Luận án Tiến sĩ, ĐHSP Huế.
11. Lê Thanh Huy. (2013). Tổ chức hoạt động DHVL đại cương trong các trường đại học theo học chế tín chỉ với sự hỗ trợ của E-learning. Luận án Tiến sĩ, ĐHSP Huế.

HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA  
**ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN  
TRONG ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY  
THEO HƯỚNG BLENDED LEARNING**

**NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ**

**Số 9 - Ngõ 26 - Phố Hoàng Cầu - Quận Đống Đa - TP. Hà Nội**

**VPGD: Số 347 Đội Cấn - Quận Ba Đình - TP. Hà Nội**

**ĐT: (024). 66860751 - (024). 66860753**

**Email: nxbdantri@gmail.com - Website: nxbdantri.com.vn**

Chịu trách nhiệm xuất bản:

**BÙI THỊ HƯƠNG**

Chịu trách nhiệm nội dung:

**LÊ QUANG KHÔI**

Biên tập: **NGUYỄN THẢO NGUYỄN**

Vẽ bìa: **BÙI MINH THU**

Sửa bản in: **LÊ VIỆT THỦY**

Trình bày sách: **BÙI MINH THU**

**LIÊN KẾT XUẤT BẢN: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**

In 100 cuốn, khổ 20,5 × 29,5cm tại Xí nghiệp In LĐXH chi nhánh Công ty TNHH MTV Thiết bị giáo dục dạy nghề. Địa chỉ: 36 ngõ Hòa Bình 4 phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Số xác nhận đăng ký xuất bản số: 4499-2021/CXBIPH/1-129/DT

Quyết định xuất bản số: 2129/QĐXB-NXBĐT do Nhà xuất bản Dân trí cấp ngày 7/12/2021

Mã ISBN: 978-604-344-630-2. In xong, nộp lưu chiểu Quý IV 2021.